

Bản án số: 196/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 24/9/2018

V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà **NGUYỄN HOÀNG XUÂN LAM**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **TRẦN VĂN HẢI**

2. Ông **NGUYỄN VĂN BÌNH**

-Thư ký phiên tòa: Bà **LÊ THỊ KIM NGỌC** – Thư ký tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 24 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 529/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2018 về việc tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 181/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **NGÔ THỊ CẨM T**, sinh năm 1991 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh **VÕ VĂN MINH T1**, sinh năm 1990 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 03/7/2018 và lời khai tại Toà, nguyên đơn chị Ngô Thị Cẩm T trình bày:

Do quen biết nên chị và anh T1 tiến đến kết hôn vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 12/2017 thì phát sinh mâu thuẫn do chị kêu anh T1 về sống bên gia đình chị để tiện việc chăm sóc mẹ ruột chị nhưng anh T1 không đồng ý làm vợ chồng thường tranh cãi, anh chị đã chính thức ly thân luôn từ tháng 6/2017 đến nay. Nay chị cương quyết yêu cầu được ly hôn anh T1.

Con chung có một cháu tên Võ Minh Tr, sinh ngày 26/7/2010, hiện đang sống với chị. Nay chị yêu cầu được nuôi cháu, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung đều không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Võ Văn Minh T1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải kèm giấy triệu tập theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự liên quan việc

chị T khởi kiện như trên nhưng anh T1 vẫn không có văn bản nêu ý kiến và cô tình vắng mặt không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng:** Anh Võ Văn Minh T1 vắng mặt không rõ lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T1.

Về nội dung:

[2] **Về quan hệ hôn nhân:** Tại phiên tòa, chị T trình bày do quen biết nên chị và anh T1 xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H. Sau khi cưới, anh chị chỉ sống hạnh phúc đến tháng 12/2017 thì phát sinh mâu thuẫn và đã chính thức ly thân luôn từ trước thời điểm phát sinh mâu thuẫn là tháng 6/2017 cho đến nay. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong việc sắp xếp gia đình cụ thể chị kêu anh T1 về sống bên gia đình chị để tiện việc chăm sóc mẹ ruột chị nhưng anh T1 không đồng ý làm vợ chồng thường xuyên tranh cãi gây mất tình cảm, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Nay chị cương quyết xin ly hôn anh T1. Xét thấy, cho chị T được ly hôn anh T1 là có cơ sở. Bởi lẽ, từ khi ly thân tới nay anh chị cũng không có phương án nào để hàn gắn xây dựng tổ ấm chăm sóc con nhỏ. Đồng thời, quá trình thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự cho anh T1 để đảm bảo quyền nêu ý kiến của anh, cũng như hoà giải để anh chị hàn gắn, đoàn tụ nhưng anh T1 vẫn không có văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt không lý do. Chứng tỏ, anh cố tình từ bỏ quyền phản đối, quyền chứng minh của mình và thể hiện anh không còn quan tâm đến cuộc sống hôn nhân của vợ chồng, nên không có biện pháp nào để hàn gắn, đoàn tụ được. Do đó, cuộc sống hôn nhân của anh chị đã thật sự đổ vỡ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cho nên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] **Về con chung:** Có một cháu tên Võ Minh Tr, sinh ngày 26/7/2010, hiện đang sống với chị T. Xét thấy, tiếp tục giao cháu Tr cho chị T nuôi là có cơ sở để chấp nhận. Bởi lẽ, trước giờ cháu đã sống ổn định với chị từ khi vợ chồng ly thân đến nay và bản thân cháu cũng có nguyện vọng được sống với mẹ. Đồng thời, sau khi Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho anh T1 thì anh vẫn bỏ mặc không có văn bản ý kiến gì liên quan đến yêu cầu được nuôi con chung của chị T. Từ đó, để đảm bảo quyền lợi của con chung cũng như để tránh xáo trộn về mặt tâm sinh lý, đời sống học tập, sinh hoạt của cháu nên tiếp tục giữ nguyên hiện trạng việc nuôi con chung là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] **Về cấp dưỡng nuôi con:** Tại Tòa, chị T không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[5] **Về tài sản chung và nợ chung:** Không tranh chấp nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[6] *Về án phí*: Chị T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Ngô Thị Cẩm T. Cho chị Ngô Thị Cẩm T được ly hôn anh Võ Văn Minh T1.

Về con chung: Tiếp tục giao cháu Võ Minh Tr, sinh ngày 26/7/2010 cho chị T nuôi. Anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị Ngô Thị Cẩm T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai số 08972 ngày 06/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C nên xem như thi hành xong.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn nêu trên được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

NGUYỄN HOÀNG XUÂN LAM

